



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo tài chính riêng	04-29
Bảng cân đối kế toán riêng	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	06-07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10-29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán quý IV năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 07 tháng 12 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Thị Tường An	Thành viên
Ông Bùi Quý Ba	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Dương Quân Anh	Trưởng ban
Bà Dương Quỳnh Hoa	Thành viên
Bà Lê Thị Nam	Thành viên

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Dũng

Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 21 tháng 01 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		32.378.606.098	91.888.762.967
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	7.221.535.995	1.311.124.822
111	1. Tiền		7.221.535.995	1.311.124.822
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	-	24.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	24.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		21.169.796.365	60.933.463.954
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	21.125.796.365	40.860.292.940
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	44.000.000	10.044.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	10.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		-	29.171.014
140	IV. Hàng tồn kho	7	3.895.213.866	5.584.183.062
141	1. Hàng tồn kho		3.895.213.866	5.584.183.062
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		92.059.872	59.991.129
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		92.059.872	59.991.129
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		169.129.779.195	109.971.524.220
220	II. Tài sản cố định		7.923.857.079	8.562.340.455
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	7.923.857.079	8.562.340.455
222	- Nguyên giá		11.087.600.480	11.087.600.480
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.163.743.401)	(2.525.260.025)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	158.000.000.000	98.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		53.000.000.000	39.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		105.000.000.000	59.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.205.922.116	3.409.183.765
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	3.205.922.116	3.409.183.765
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		201.508.385.293	201.860.287.187

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		12.104.854.830	10.940.713.792
310	I. Nợ ngắn hạn		12.104.854.830	10.940.713.792
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	4.156.737.683	2.746.196.035
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	121.911.800	1.814.547.650
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	61.030.353	499.305.393
322	4. Quỹ khen thưởng phúc lợi		7.765.174.994	5.880.664.714
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		189.403.530.463	190.919.573.395
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	189.403.530.463	190.919.573.395
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		171.671.440.000	157.499.560.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		171.671.440.000	157.499.560.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.882.587.497	2.940.332.357
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.849.502.966	30.479.681.038
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		13.481.035.618	25.716.272.844
421b	LNST chưa phân phối năm nay		368.467.348	4.763.408.194
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		201.508.385.293	201.860.287.187


Hoàng Thị Kim Lan
Người lập

Hoàng Thị Kim Lan
Kế toán trưởngNguyễn Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 21 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý IV năm 2020

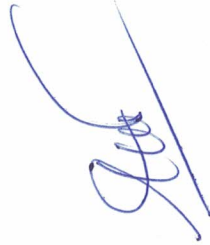
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV năm 2020	Quý IV năm 2019	Lũy kế đến Quý IV năm 2020	Lũy kế đến Quý IV năm 2019
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	39.630.596.345	62.299.280.450	118.973.078.595	244.504.441.220
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.630.596.345	62.299.280.450	118.973.078.595	244.504.441.220
11	4. Giá vốn hàng bán	15	39.185.866.641	61.532.684.729	118.152.235.424	239.561.589.253
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		444.729.704	766.595.721	820.843.171	4.942.851.967
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	37.392	425.873.605	847.928.370	1.574.276.120
22	7. Chi phí tài chính			-	-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay			-	-	-
25	8. Chi phí bán hàng	17	70.352.880	115.908.100	70.352.880	144.817.200
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	222.160.203	265.148.200	1.186.790.242	1.109.111.376
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		152.254.013	811.413.026	411.628.419	5.263.199.511
31	11. Thu nhập khác	19	24.300.000	-	24.302.670	20.000
32	12. Chi phí khác	20	239.667	-	6.433.388	505.924
40	13. Lợi nhuận khác		24.060.333	-	17.869.282	(485.924)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

		Quý IV năm 2020 VND	Quý IV năm 2019 VND	Lũy kế đến Quý IV năm 2020 VND	Lũy kế đến Quý IV năm 2019 VND
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	176.314.346	811.413.026	429.497.701	5.262.713.587
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.499.743	236.962.305	61.030.353	499.305.393
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	161.814.603	574.450.721	368.467.348	4.763.408.194

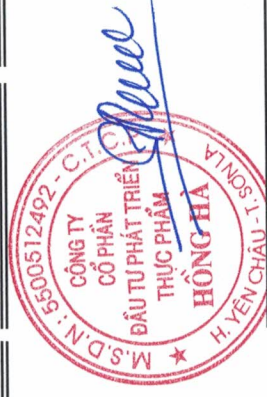


Hoàng Thị Kim Lan
Người lập

Sơn La, ngày 21 tháng 01 năm 2021



Hoàng Thị Kim Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*Lũy kế đến Quý IV năm 2020**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế đến Quý IV	Lũy kế đến Quý IV
			năm 2020	năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		429.497.701	5.262.713.587
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		638.483.376	637.788.932
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(847.928.370)	(1.574.276.120)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		220.052.707	4.326.226.399
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		29.702.427.832	23.756.474.827
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.688.969.196	13.620.653.051
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(282.094.202)	(374.237.713)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		203.261.649	211.969.979
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(499.305.393)	(40.101.875)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		31.033.311.789	41.500.984.668
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(55.000.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(29.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		24.000.000.000	10.000.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(50.000.000.000)	(32.920.000.000)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		877.099.384	1.395.568.394
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(25.122.900.616)	(50.579.431.606)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(472.344.870)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(472.344.870)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		5.910.411.173	(9.550.791.808)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*Lũy kế đến Quý IV năm 2020**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế đến Quý IV năm 2020	Lũy kế đến Quý IV năm 2019
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.311.124.822	10.861.916.630
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	7.221.535.995	1.311.124.822


Hoàng Thị Kim Lan

Người lập

Sơn La, ngày 21 tháng 01 năm 2021


Hoàng Thị Kim Lan

Kế toán trưởng

**Nguyễn Tuấn Dũng**

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 07 tháng 12 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 171.671.440.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 171.671.440.000 đồng; tương đương 17.167.144 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông sản sơ chế, chủ yếu là sản lát và ngô hạt sấy.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thóc ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: trong vòng 12 tháng

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 20 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 10 năm |

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.15 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2029) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 "Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp".

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	215.281.766	1.145.982.745
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.006.254.229	165.142.077
	7.221.535.995	1.311.124.822

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	-	-	24.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	24.000.000.000	-
	-	-	24.000.000.000	-

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào Công ty con	53.000.000.000	-	39.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu (1)	53.000.000.000	-	39.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	105.000.000.000	-	59.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà (2)	-	-	14.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nông Sản Ngọc Lặc Xanh (3)	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần HongHa Pharma (4)	45.000.000.000	-	20.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nông Sản Elmaco (5)	35.000.000.000	-	-	-
	158.000.000.000	-	98.000.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết cho các khoản đầu tư tài chính

(1) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500533862 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 03 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 06 năm 2020, tổng vốn góp là 53.000.000.000 đồng chiếm 98,14% vốn điều lệ của Công ty. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 đơn vị đã góp đủ 53.000.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu. Trong đó góp bằng tiền 35.535.000.000 đồng, góp bằng tài sản và công cụ dụng cụ 3.465.000.000 đồng, góp bằng cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ, Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà 14.000.000.000 đồng.

Theo nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCD ngày 13 tháng 05 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu quyết định thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, do đó số của phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực Phẩm Hồng Hà tăng thêm 3.975.000 cổ phần, tăng từ 5.300.000 cổ phần lên 9.275.000 cổ phần, chiếm 98,14% vốn điều lệ của Công ty.

(2) Theo nghị quyết HĐQT số 01/2020/NQ-HĐQT/HSL ký ngày 12 tháng 02 năm 2020 toàn bộ 1.400.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực Phẩm Hồng Hà tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà được góp vốn vào Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu với tổng giá trị vốn góp là 14.000.000.000 đồng (tương đương với mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phần) chiếm 46,67% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà.

(3) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lặc Xanh theo nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐQT/HSL ngày 15 tháng 8 năm 2018. Theo đó Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thực Phẩm Hồng Hà góp vốn là 25.000.000.000 đồng, trong đó góp bằng tiền 11.058.000.000 đồng, góp bằng tài sản và công cụ dụng cụ 13.942.000.000 đồng, chiếm 45,4% vốn điều lệ. Tính tới thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty đã góp đủ số vốn theo cam kết.

(4) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần HongHa Pharma theo nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐQT/HSL ngày 20 tháng 11 năm 2019. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thực Phẩm Hồng Hà góp vốn là 20.000.000.000 đồng bằng tiền.

Theo nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐQT/HSL ngày 10 tháng 03 năm 2020 của Hội đồng quản trị quyết định thông qua việc đầu tư thêm vốn góp tại Công ty Cổ phần HongHa Pharma số tiền 25.000.000.000 đồng trong đó góp 15.000.000.000 đồng bằng tiền và 10.000.000.000 đồng bằng công nợ phải thu về tiền cho vay, nâng tỷ lệ sở hữu công ty tại Công ty Cổ phần HongHa Pharma từ 40% lên 90% vốn chủ sở hữu.

Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 08 năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần HongHa Pharma (Căn cứ trên Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 002/2020/NQ-ĐHĐCD ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Công ty Cổ phần HongHa Pharma quyết định tăng vốn điều lệ công ty và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện việc tăng vốn) thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, qua đó tăng vốn điều lệ của công ty từ 50.000.000.000 đồng lên 100.000.000.000 đồng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thực Phẩm Hồng Hà không đăng ký mua số cổ phần tăng thêm này, do đó sau khi tăng vốn tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà giảm từ 90% xuống còn 45% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần HongHa Pharma.

Ngày 11 tháng 08 năm 2020 Công ty Cổ phần HongHa Pharma đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0109011426 ngày 11 tháng 8 năm 2020 về thay đổi vốn điều lệ của Công ty. Do đó khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần HongHa Pharma vẫn được trình bày tại khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.

(5) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/2020/NQ-HĐQT/HSL ngày 12 tháng 10 năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực Phẩm Hồng Hà góp vốn vào Công ty Cổ phần Nông sản Elmaco. Công ty Cổ phần Nông sản Elmaco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2700914725, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2020, vốn điều lệ 80.000.000.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà góp 35.000.000.000 đồng, chiếm 43,75% vốn điều lệ.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 25.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀBản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2020		01/01/2020	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty TNHH MTV Nông sản Lương Sơn	20.264.277.145	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanco Việt Nam	649.895.150	-	-	-
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu	-	-	14.798.440.680	-
Công ty Cổ phần HDC Hà Nội	211.624.070	-	11.671.014.750	-
Công ty TNHH Xây dựng Kinh Bắc Thăng Long	-	-	6.074.007.190	-
Phải thu khách hàng khác	-	-	8.316.830.320	-
	<u>21.125.796.365</u>	<u>-</u>	<u>40.860.292.940</u>	<u>-</u>
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>14.798.440.680</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 25)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyễn Đình Khoa	-	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Phương	-	-	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt	44.000.000	-	44.000.000	-
	<u>44.000.000</u>	<u>-</u>	<u>10.044.000.000</u>	<u>-</u>

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Thành phẩm	3.895.213.866	-	3.593.845.315	-
Hàng hoá	-	-	1.990.337.747	-
	<u>3.895.213.866</u>	<u>-</u>	<u>5.584.183.062</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀBản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	9.994.000.480	1.093.600.000	11.087.600.480
Số dư cuối kỳ	9.994.000.480	1.093.600.000	11.087.600.480
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.006.691.991	518.568.034	2.525.260.025
- Khấu hao trong kỳ	499.700.052	138.783.324	638.483.376
Số dư cuối kỳ	2.506.392.043	657.351.358	3.163.743.401
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	7.987.308.489	575.031.966	8.562.340.455
Tại ngày cuối kỳ	7.487.608.437	436.248.642	7.923.857.079

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí đào đắp san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La (*)	3.197.213.785	3.409.183.765
Phần mềm kế toán	8.708.331	-
	3.205.922.116	3.409.183.765

(*) Khoản chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động san lấp, đào, phá đất đá để tạo mặt bằng khu vực nhà xưởng, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 20 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀBản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư nông nghiệp Agri- vina	-	-	2.663.467.035	2.663.467.035
Công ty Cổ phần VBM Bắc Bộ	4.076.049.515	4.076.049.515	-	-
Công ty Cổ phần Phan Khánh	77.388.168	77.388.168	-	-
Phải trả các đối tượng khác	3.300.000	3.300.000	82.729.000	82.729.000
	4.156.737.683	4.156.737.683	2.746.196.035	2.746.196.035

11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Tài nguyên Đông Dương	-	1.814.547.650
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu	121.911.800	-
	121.911.800	1.814.547.650
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 25)	121.911.800	-

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	499.305.393	61.030.353	499.305.393	-	61.030.353
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	499.305.393	64.030.353	502.305.393	-	61.030.353

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Chung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND		VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	157.499.560.000		1.183.965.810	30.985.372.485	189.668.898.295	
Lãi trong kỳ trước	-		-	4.763.408.194	4.763.408.194	
Phân phối lợi nhuận	-		-	(5.269.099.641)	(5.269.099.641)	
Trích lập các quỹ	-		1.756.366.547	-	1.756.366.547	
Số dư cuối kỳ trước	157.499.560.000		2.940.332.357	30.479.681.038	190.919.573.395	
Số dư đầu năm nay	157.499.560.000		2.940.332.357	30.479.681.038	190.919.573.395	
Lãi trong kỳ này	-		-	368.467.348	368.467.348	
Phân phối lợi nhuận	-		-	(2.826.765.420)	(2.826.765.420)	
Trích lập các quỹ	-		942.255.140	-	942.255.140	
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (*)	14.171.880.000		-	(14.171.880.000)	-	
Số dư cuối kỳ này	171.671.440.000		3.882.587.497	13.849.502.966	189.403.530.463	

(*) Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐQT/HSL ngày 28 tháng 08 năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua phát hành cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức năm 2018, theo đó số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm là 1.417.496 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, số lượng cổ phiếu phát hành thêm thực tế là 1.417.188 cổ phiếu - tương ứng giá trị vốn chủ sở hữu tăng thêm là 14.171.880.000 đồng.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ	Tỷ lệ (%)
	VND			VND	
Ông Lê Văn Đức	27.250.000.000		15,87%	25.000.000.000	15,87%
Ông Nguyễn Xuân Giáp	17.031.250.000		9,92%	15.625.000.000	9,92%
Các cổ đông khác	127.390.190.000		74,21%	116.874.560.000	74,21%
	171.671.440.000		100%	157.499.560.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Lũy kế đến Quý IV năm 2020	Lũy kế đến Quý IV năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	171.671.440.000	157.499.560.000
- Vốn góp đầu kỳ	157.499.560.000	157.499.560.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	14.171.880.000	-
- Vốn góp cuối kỳ	171.671.440.000	157.499.560.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.167.144	15.749.956
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	17.167.144	15.749.956
- Cổ phiếu phổ thông	17.167.144	15.749.956
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.167.144	15.749.956
- Cổ phiếu phổ thông	17.167.144	15.749.956
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.882.587.497	2.940.332.357
	3.882.587.497	2.940.332.357

14 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Lũy kế đến Quý IV năm 2020	Lũy kế đến Quý IV năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	109.423.813.205	225.189.485.235
Doanh thu bán thành phẩm	9.549.265.390	19.314.955.985
	118.973.078.595	244.504.441.220

15 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Lũy kế đến Quý IV năm 2020	Lũy kế đến Quý IV năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	108.246.688.562	221.592.568.106
Giá vốn của thành phẩm đã bán	9.270.516.392	17.236.994.358
Chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ	635.030.470	732.026.789
	118.152.235.424	239.561.589.253

16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế đến Quý IV năm 2020	Lũy kế đến Quý IV năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	847.928.370	1.574.276.120
	847.928.370	1.574.276.120

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀBản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

17 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Lũy kế đến Quý IV năm 2020	Lũy kế đến Quý IV năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	144.817.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.352.880	-
	70.352.880	144.817.200

18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Lũy kế đến Quý IV năm 2020	Lũy kế đến Quý IV năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	569.878.127	616.146.540
Chi phí khấu hao tài sản cố định	245.417.164	147.302.508
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	320.665.452	300.311.820
Chi phí khác bằng tiền	47.829.499	42.350.508
	1.186.790.242	1.109.111.376

19 . THU NHẬP KHÁC

	Lũy kế đến Quý IV năm 2020	Lũy kế đến Quý IV năm 2019
	VND	VND
Tiền thuê đất được giảm	24.300.000	-
Thu nhập khác	2.670	20.000
	24.302.670	20.000

20 . CHI PHÍ KHÁC

	Lũy kế đến Quý IV năm 2020	Lũy kế đến Quý IV năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	6.433.388	505.924
	6.433.388	505.924

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**a) Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi**

	Lũy kế đến Quý IV năm 2020	Lũy kế đến Quý IV năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(418.430.669)	3.688.417.467
Các khoản điều chỉnh tăng	6.433.388	505.924
- Chi phí không hợp lệ	6.433.388	505.924
Thu nhập chịu thuế TNDN	(411.997.281)	3.688.923.391
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10%	-	368.892.339
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	(184.446.170)
Chi phí thuế TNDN hiện hành của hoạt động SXKD được hưởng ưu đãi [1]	-	184.446.169

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	847.928.370	1.574.296.120
Các khoản điều chỉnh giảm	(411.997.281)	-
- Bù trừ thu nhập được hưởng ưu đãi thuế và không được hưởng ưu đãi thuế	(411.997.281)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	435.931.089	1.574.296.120
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% [2]	87.186.218	314.859.224

c) Xác định tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ ([1]+[2])	87.186.218	499.305.393
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm 30% theo Nghị quyết 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020 của Quốc hội	(26.155.865)	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành trong kỳ	61.030.353	499.305.393

22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Lũy kế đến Quý IV năm 2020	Lũy kế đến Quý IV năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.369.445.850	11.007.745.280
Chi phí nhân công	619.878.127	662.146.540
Chi phí khấu hao tài sản cố định	638.483.376	637.788.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	567.659.982	527.514.712
Chi phí khác bằng tiền	268.591.199	45.350.508
	11.464.058.534	12.880.545.972

23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán			
		31/12/2020		01/01/2020	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.221.535.995	-		1.311.124.822	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	21.125.796.365	-		40.889.463.954	-
Các khoản cho vay	-	-		10.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-		24.000.000.000	-
	28.347.332.360	-		76.200.588.776	-
		Giá trị sổ kế toán			
		31/12/2020		01/01/2020	
		VND		VND	
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả người bán, phải trả khác		4.156.737.683		2.746.196.035	
		4.156.737.683		2.746.196.035	

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Đầu tư ngắn hạn	24.000.000.000	-	-	24.000.000.000
	<u>24.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>24.000.000.000</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.221.535.995	-	-	7.221.535.995
Phải thu khách hàng, phải thu khác	21.125.796.365	-	-	21.125.796.365
	<u>28.347.332.360</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>28.347.332.360</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.311.124.822	-	-	1.311.124.822
Phải thu khách hàng, phải thu khác	40.889.463.954	-	-	40.889.463.954
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	<u>52.200.588.776</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>52.200.588.776</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.156.737.683	-	-	4.156.737.683
	<u>4.156.737.683</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.156.737.683</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.746.196.035	-	-	2.746.196.035
	<u>2.746.196.035</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.746.196.035</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Lũy kế đến Quý IV năm 2020</u>	<u>Lũy kế đến Quý IV năm 2019</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng		42.219.950.600	91.794.142.375
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu	Công ty con	42.219.950.600	91.794.142.375
Góp vốn đầu tư		60.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần HongHa Pharma	Công ty liên kết	25.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Nông Sản Elmaco	Công ty liên kết	35.000.000.000	-
Cho vay		-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần HongHa Pharma	Công ty liên kết	-	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀBản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2020

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
Phải thu khách hàng		-	14.798.440.680
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu	Công ty con	-	14.798.440.680
Phải thu về cho vay		-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần HongHa Pharma	Công ty liên kết	-	10.000.000.000
Người mua trả tiền trước		121.911.800	-
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu	Công ty con	121.911.800	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế đến Quý IV năm 2020	Lũy kế đến Quý IV năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	233.000.000	282.000.000

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả kinh doanh lũy kế đến Quý IV năm 2019 và các thuyết minh liên quan là số liệu đã được Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt kiểm toán.



Hoàng Thị Kim Lan
Người lập



Hoàng Thị Kim Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 21 tháng 01 năm 2021